

Ngành Hàng tiêu dùng

Báo cáo cập nhật

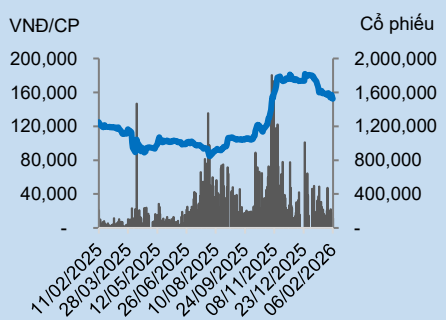
Tháng 02.2026

Khuyến nghị	NEUTRAL
Giá kỳ vọng (VNĐ/CP)	158.600
Giá thị trường (06/02/2026)	152.300
Lợi nhuận kỳ vọng	+4,1%

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	84.632-181.862
Vốn hóa	197.146 tỷ đồng
SL cổ phiếu lưu hành	1.294.460.962
KLGD bình quân 10 ngày	198.487
% sở hữu nước ngoài	15,14%
Room nước ngoài	50%
Giá trị cổ tức/cổ phần	5.000
Tỷ lệ cổ tức/thị giá	3,28%
Beta	1,23

BIẾN ĐỘNG GIÁ



	YTD	1T	3T	6T
MCH	-15,4%	-11,9%	-14,3%	63,7%
VNIndex	-1,8%	-6,5%	7,6%	6,1%

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Hà Minh Anh

(84 24) 3928.8080 ext. 213

anhnhm@bvsc.com.vn

CTCP Hàng tiêu dùng Masan

Mã giao dịch: MCH

Reuters: MCH.HM

Bloomberg: MCH VN

Phục hồi tăng trưởng nhờ lợi thế thương hiệu và hệ thống phân phối

Cập nhật KQKD năm 2025. Doanh thu Q4/2025 tăng trưởng dương trở lại sau 3 quý khó khăn, cho thấy thành công bước đầu của chiến lược tái cơ cấu hệ thống phân phối (“Retail Supreme”). Doanh thu kênh GT chỉ suy giảm nhẹ 0,5% yoy sau 2 quý tăng trưởng âm trong bối cảnh hộ kinh doanh dần thích ứng với chính sách thuế mới; các kênh MT, HORECA, Thương mại điện tử, và Kinh doanh Quốc tế tiếp tục tăng tốc. Lũy kế cả năm 2025, doanh thu đạt 30.814 tỷ đồng, giảm 1,1%yoy, hoàn thành 87-92% kế hoạch doanh thu cả năm 2025. BLNG Q4/2025 và 2025 đều đạt 45,1% (giảm lần lượt 1,3 và 1,1 điểm phần trăm yoy) do (1) thay đổi cơ cấu doanh thu, cụ thể là mảng có BLNG cao nhất là Gia vị giảm đóng góp vào doanh thu; và (2) BLNG ngành hàng Gia vị, Thực phẩm tiện lợi và Đồ uống suy giảm do thay đổi cơ cấu sản phẩm và thay đổi công thức cho sản phẩm. OPM đạt 23,6% trong 2025 (giảm 1 điểm phần trăm yoy), chủ yếu đến từ sự suy giảm của BLNG. Doanh thu tài chính tiếp tục giảm mạnh so với năm 2024 do doanh nghiệp đã hoàn thành phân phối cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2024. Tựu chung lại, LNST năm 2025 chỉ đạt 6.764 tỷ đồng (-14,6%yoy, hoàn thành 87-93% kế hoạch LNST cả năm 2025), phản ánh sự suy giảm từ cả hoạt động kinh doanh cốt lõi lẫn hoạt động tài chính.

Kế hoạch kinh doanh năm 2026. MCH đã đưa ra kế hoạch sơ bộ cho năm 2026, bao gồm tăng trưởng 10-15%yoy của doanh thu và LNST. Cao cấp hóa sản phẩm, tung ra các sáng kiến mới, và cải thiện hệ thống phân phối vẫn là chiến lược chung đối với các ngành hàng của MCH.

Dự phóng năm 2026F. BVSC dự phóng Doanh thu, LNST và LNST-CĐTS năm 2026F của MCH lần lượt đạt 34.093 tỷ đồng (+10,6%yoy, hoàn thành 97-101% kế hoạch sơ bộ), 7.837 tỷ đồng (+15,9%yoy, hoàn thành 100-105% kế hoạch sơ bộ) và 7.723 tỷ đồng (+15,8%yoy).

Định giá và Khuyến nghị. Sử dụng phương pháp DCF và P/E, BVSC đưa ra giá mục tiêu của MCH là **158.600 đồng/cp** đối với cổ phiếu MCH, tương ứng khuyến nghị **NEUTRAL**. Dựa trên số liệu ngày 06/02/2026, MCH hiện có mức vốn hóa tương đương với vị trí số 11 trong rổ VN-30; vì vậy, doanh nghiệp có thể sớm được vào VN-30 trong lần xét duyệt tháng 7/2026. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng câu chuyện chuyển sàn đã phản ánh một phần vào giá cổ phiếu trong thời gian qua, nâng mức định giá P/E lên mức cao so với lịch sử và so với các doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực. Cụ thể, cổ phiếu MCH hiện đang giao dịch ở mức TTM P/E là 30 lần và 2026 P/E là 25,5 lần, cao hơn nhiều so với mức trung bình 2 năm là 20 lần và mức trung vị của các doanh nghiệp trong khu vực là 20,3 lần.

Cập nhật KQKD năm 2025

Doanh thu Q4/2025 tăng trưởng dương trở lại sau 3 quý khó khăn. Doanh thu Q4/2025 đạt 9.334 tỷ đồng, tăng trưởng 3,5%yoy. Sau 3 quý khó khăn, doanh thu đã tăng trưởng dương trở lại, cho thấy thành công bước đầu của chiến lược tái cơ cấu hệ thống phân phối ("Retail Supreme"). Doanh thu kênh GT chỉ suy giảm nhẹ 0,5% yoy sau 2 quý tăng trưởng âm trong bối cảnh hộ kinh doanh dần thích ứng với chính sách thuế mới; các kênh MT, HORECA và Thương mại điện tử tiếp tục tăng tốc. Ngành hàng Gia vị cho thấy những hồi phục bước đầu khi chỉ còn suy giảm doanh thu -6,9%yoy (so với -13,8%yoy trong Q3/2025), trong khi ngành hàng Thực phẩm tiện lợi đã tăng trưởng dương 20%yoy trở lại. Các ngành hàng còn lại cũng ghi nhận đã giảm chậm lại hoặc tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2025, doanh thu đạt 30.814 tỷ đồng, giảm 1,1%yoy, hoàn thành 87-92% kế hoạch doanh thu cả năm 2025.

Mảng Kinh doanh Quốc tế ("Go Global") tiếp tục tăng trưởng ấn tượng. Doanh thu Kinh doanh Quốc tế Q4/2025 và 2025 lần lượt +25,1%yoy và +26,9%yoy, dẫn dắt bởi ngành hàng Thực phẩm tiện lợi (+97,1%yoy), Cà phê (+40,0%yoy), và thị trường Đông Nam Á là động lực chính. Trong tương lai, doanh nghiệp sẽ tiếp tục nâng cao sự hiện diện của thương hiệu mạnh như Chinsu, Vinacafe, v.v. tại chuỗi bán lẻ nước ngoài, củng cố hình ảnh thương hiệu sản phẩm Việt Nam chất lượng tốt trong tiềm thức của người tiêu dùng nước bạn.

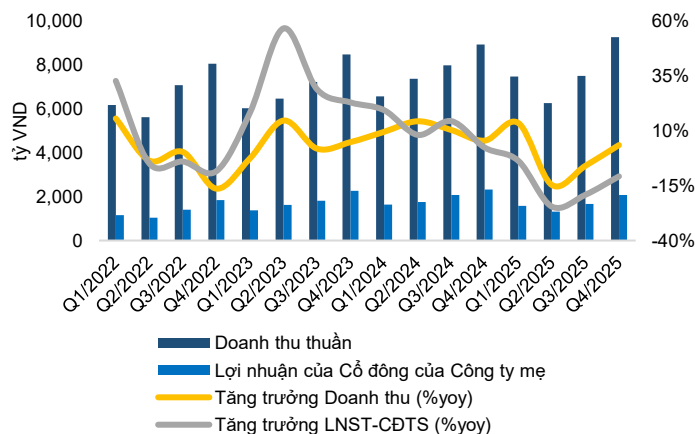
BLNG Q4/2025 có sự suy giảm svck. BLNG Q4/2025 và 2025 đều đạt 45,1%, giảm lần lượt 1,3 và 1,1 điểm phần trăm yoy. Sự suy giảm đến từ (1) thay đổi cơ cấu doanh thu, cụ thể là mảng có BLNG cao nhất là Gia vị giảm đóng góp vào doanh thu; và (2) BLNG ngành hàng Gia vị, Thực phẩm tiện lợi và Đồ uống suy giảm do thay đổi cơ cấu sản phẩm và thay đổi công thức cho sản phẩm. Điểm tích cực là các GPM ngành hàng đi ngang-tăng trưởng so với quý trước, cho thấy nỗ lực duy trì BLNG ở mức cao của doanh nghiệp. BLĐ kỳ vọng chi phí nguyên vật liệu sẽ tương đối ổn định trong năm 2026, giảm gánh nặng lên BLNG.

BLNR tiếp tục chịu áp lực từ BLNG và doanh thu tài chính suy giảm. OPM đạt 23,6% trong 2025 (giảm 1 điểm phần trăm yoy), chủ yếu đến từ sự suy giảm của BLNG. Doanh thu tài chính tiếp tục giảm mạnh so với năm 2024 do doanh nghiệp đã hoàn thành phân phối cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2024. Tựu chung lại, LNST năm 2025 chỉ đạt 6.764 tỷ đồng (-14,6%yoy, hoàn thành 87-93% kế hoạch LNST cả năm 2025), phản ánh sự suy giảm từ cả hoạt động kinh doanh cốt lõi lẫn hoạt động tài chính.

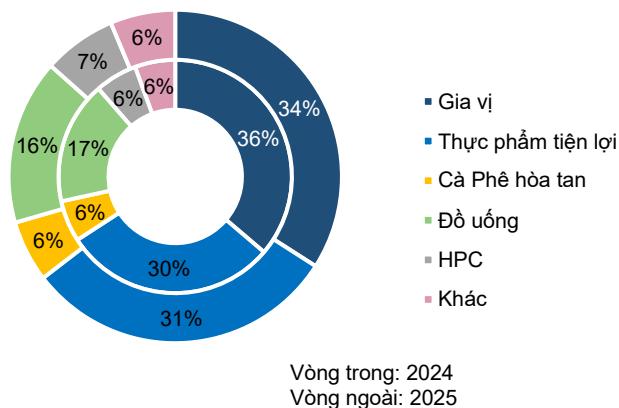
Báo cáo cập nhật MCH

Chỉ tiêu	Q4/2025	%yoy	2025	%yoy	Diễn giải
Doanh thu thuần	9.275	3,7%	30.557	-1,1%	- Hoàn thành 87-92% kế hoạch doanh thu cả năm 2025. - Điểm tích cực là Doanh thu Q4/2025 đã tăng trưởng dương trở lại, cho thấy thành công bước đầu của chiến lược tái cơ cấu hệ thống phân phối ("Retail Supreme"). - Q4/2025, Doanh thu kênh GT chỉ suy giảm nhẹ 0,5% yoy sau 2 quý tăng trưởng âm, trong khi đó kênh MT, HORECA và Thương mại điện tử tiếp tục tăng tốc.
Gia vị	3.285	-6,9%	10.404	-7,1%	- Đà giảm thu hẹp trong Q4/2025, cho thấy (1) thành công bước đầu của chiến lược cải thiện hệ thống phân phối; và (2) nhu cầu nhập hàng tương đối khả quan. - Sản phẩm Nước mắm cho thấy đà giảm chậm lại trong Q4/2025 (-15%yoy so với -25%yoy của quý liền trước), trong khi các sản phẩm Gia vị khác ghi nhận tăng trưởng khả quan (+3%yoy đến +17%yoy).
Thực phẩm tiện lợi	2.690	20,0%	9.327	1,8%	- Tăng trưởng dương trở lại sau 2 quý suy giảm. - Omachi là động lực tăng trưởng; cụ thể doanh thu Omachi +42,8%, thành quả của chiến lược cao cấp hóa sản phẩm, cải thiện hệ thống phân phối, và chiến dịch Tết "Tiếng trống hội Xuân."
Cà Phê hòa tan	631	-1,1%	1.821	2,9%	- Cạnh tranh lớn trong năm 2025, khiến doanh thu tương đối ảm đạm.
Đồ uống	1.324	-4,8%	4.901	-6,8%	- Tiêu dùng toàn ngành đồ uống đóng chai ở Việt Nam giảm về cả nhu cầu và giá trị. - Tuy doanh thu Q4/2025 và năm 2025 suy giảm, điểm sáng đến từ việc Wake-up 247 ghi nhận tăng trưởng thị phần 1% trong phân khúc nước tăng lực.
HPC	699	41,5%	2.174	20,2%	- Tăng trưởng doanh thu Q4/2025 ngoạn mục chủ yếu đến từ mở rộng độ phủ phân phối và triển khai Chương trình hội viên cho các nhà bán lẻ. Cụ thể, số lượng điểm bán +80%yoy. - Hiện MCH đã nắm vị trí thứ 3 trong ngành hàng Nước Giặt. - MCH đã tung sản phẩm nước giặt Homey ở phân khúc tiết kiệm trong tháng 12/2025.
Kinh Doanh Quốc Tế	573	25,1%	1.648	26,9%	- Động lực tăng trưởng Q4/2025 đến từ Thực phẩm tiện lợi (+97%yoy) và Cà phê (+40%yoy). Thị trường Đông Nam Á khả quan. - MCH tiếp tục hoạt động xây dựng thương hiệu, địa phương hóa sản phẩm, và tận dụng kênh phân phối qua các nhà bán lẻ uy tín.
Biên lợi nhuận gộp	45,1%	-1,3 điểm phần trăm	45,1%	-1,1 điểm phần trăm	- Trong năm 2025, các ngành hàng ghi nhận tăng trưởng yoy về BLNG bao gồm Cà phê hòa tan và HPC; BLNG mảng cà phê hòa tan tăng trưởng nhờ giá cà phê đầu vào suy giảm và BLNG HPC khởi sắc nhờ tăng trưởng sản lượng và cơ cấu hàng bán khả quan. BLNG Gia vị và Đồ uống giảm yoy trong năm 2025 do thay đổi cơ cấu sản phẩm. BLNG Thực phẩm tiện lợi giảm yoy năm 2025 do thay đổi công thức cho sản phẩm. Điểm tích cực là các GPM ngành hàng đi ngang-tăng trưởng so với quý trước, cho thấy nỗ lực duy trì BLNG ở mức cao của doanh nghiệp. - Bên cạnh việc đa số các ngành hàng suy giảm BLNG, mảng có BLNG cao nhất là Gia vị giảm đóng góp vào doanh thu từ 36% xuống 34% trong năm 2025, khiến BLNG năm 2025 giảm nhẹ 1,1 điểm phần trăm yoy.
Lợi nhuận gộp	4.208	0,7%	13.906	-3,5%	
Chi phí bán hàng + QLDN	(1.975)	10,6%	(6.769)	-1,6%	- Chi phí bán hàng + QLDN/Doanh thu thuần giảm nhẹ 0,1% điểm phần trăm nào phản ánh thành công bước đầu của chiến lược tái cấu trúc hệ thống phân phối.
LN từ HĐKD	2.233	-6,6%	7.137	-5,2%	
Doanh thu tài chính	307	-28,3%	1.102	-38,8%	- Lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư giảm mạnh từ 1.424 tỷ đồng xuống 648 tỷ đồng trong năm 2025. Sụt giảm này là do MCH đã hoàn thành phân phối cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2024 (tỷ lệ cổ tức/cổ phiếu là 323%, so với quá khứ là 45%).
Chi phí tài chính	(134)	5,7%	(557)	47,4%	- Chi phí lãi vay đã ở mức cao hơn cùng kỳ từ Q4/2024 tới nay do doanh nghiệp gia tăng vay dài hạn.
Lợi nhuận khác	5	-183,8%	0	N/a	
Lợi nhuận trước thuế	2.433	-10,0%	7.765	-13,8%	
LNST	2.104	-11,1%	6.764	-14,6%	- LNST 2025 ghi nhận tăng trưởng âm do cả HĐKD cốt lõi và hoạt động tài chính kém khả quan. - Hoàn thành 87-93% kế hoạch LNST cả năm 2025.
LNST sau CĐTS	2.079	-10,7%	6.667	-14,6%	

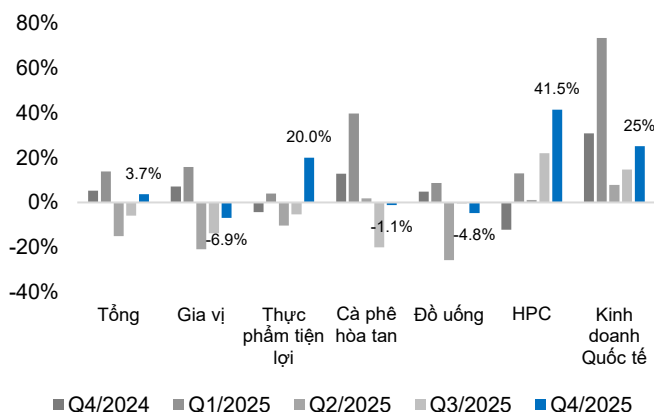
Tuy cả năm tăng trưởng âm, KQKD đã lội ngược dòng trong Q4/2025



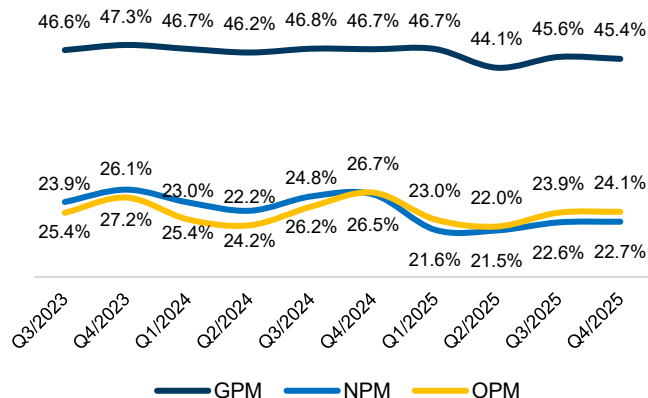
Cơ cấu doanh thu, theo ngành hàng



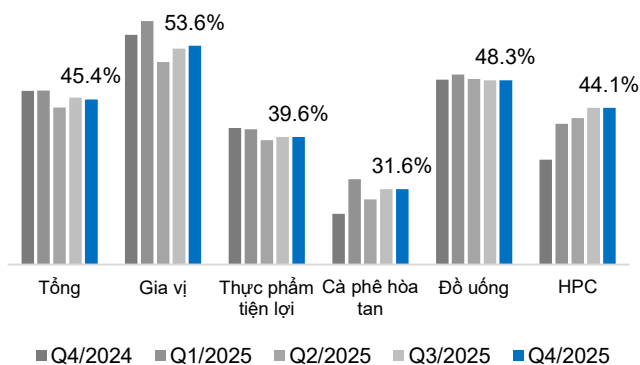
Tăng trưởng %yoy của MCH, theo ngành hàng



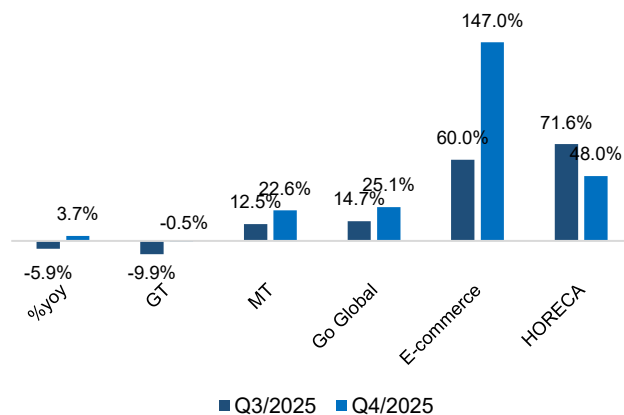
GPM chịu sức ép do thay đổi cơ cấu doanh thu, OPM duy trì ở mức cao



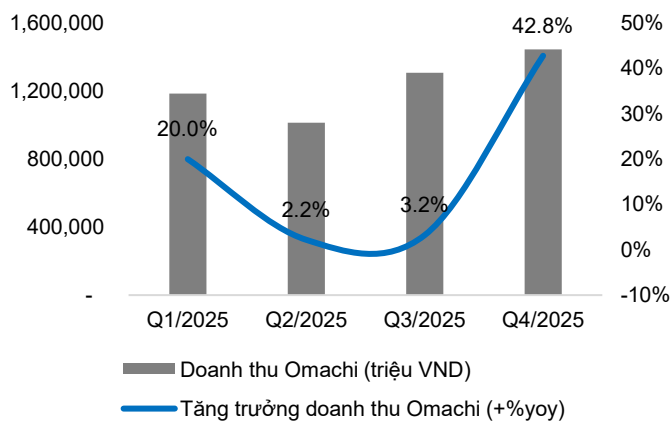
GPM các ngành hàng đi ngang-tăng trưởng, tuy nhiên GPM chung -1,3 điểm phần trăm do thay đổi cơ cấu doanh thu



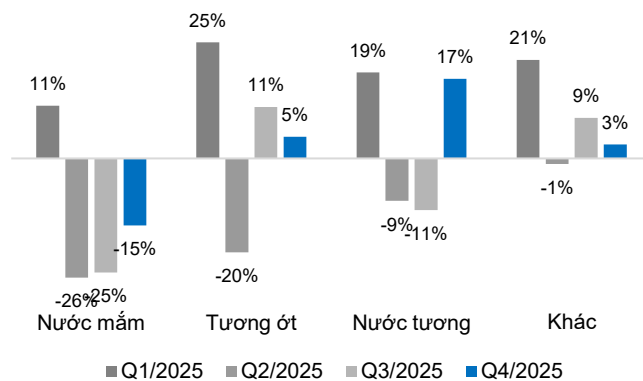
Kênh GT gần đạt được tăng trưởng âm; các kênh còn lại tăng trưởng khả quan



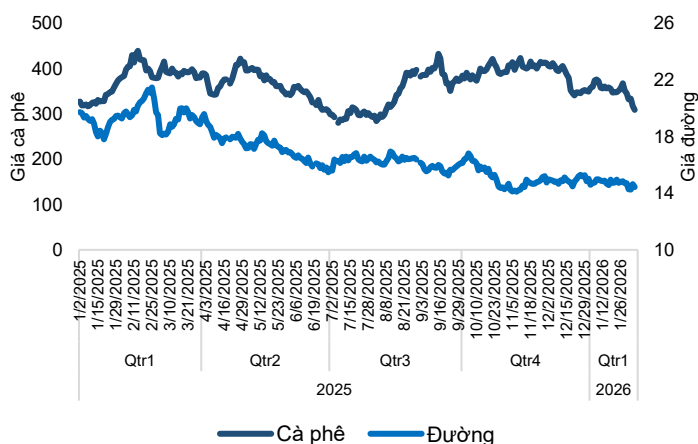
Omachi hưởng quả ngọt từ chiến lược cao cấp hóa và cải thiện hệ thống phân phối



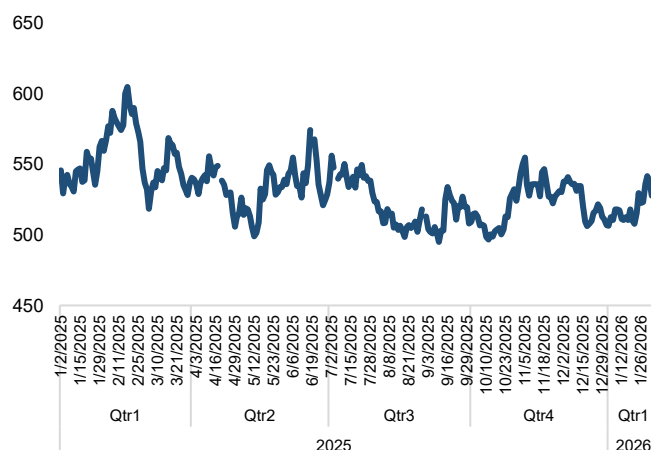
Nước mắm cho thấy đà giảm chậm lại, trong khi các sản phẩm Gia vị khác ghi nhận tăng trưởng khả quan



Giá đường và giá cà phê thế giới (USD/lb)



Giá lúa mì (USD/gia)



Nguồn: MCH, Bloomberg

Kế hoạch kinh doanh 2026

MCH đã đưa ra kế hoạch sơ bộ cho năm 2026; kế hoạch kinh doanh chính thức sẽ được công bố trước thềm ĐHĐCĐ năm 2026.

(Đvt: tỷ VND)	Kịch bản cơ sở	%yoy	Kịch bản tích cực	%yoy
Doanh thu	33.800	10%	35.000	14%
EBITDA	8.710	13%	9.120	19%
LNST	7.450	10%	7.800	15%

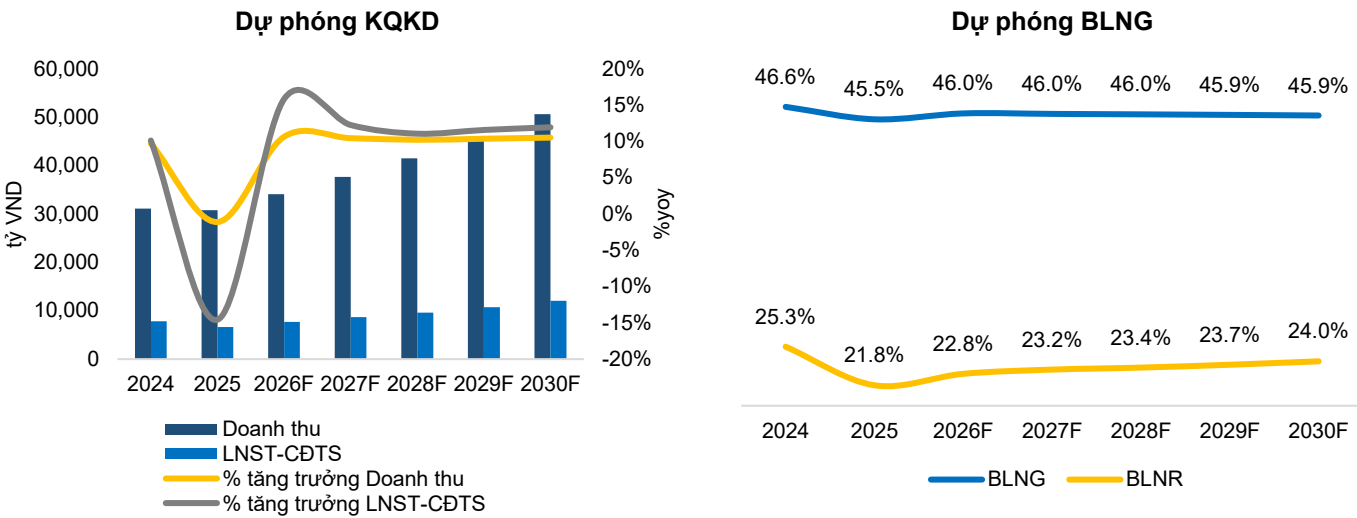
Định hướng cho từng ngành hàng như sau:

Ngành hàng	Động lực tăng trưởng
Gia vị	- Tiếp tục phục hồi ngành hàng nước mắm và đẩy mạnh sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu tiện lợi, phong cách sống ngày càng tăng của người tiêu dùng. - Chuẩn hóa sản phẩm lên men. - Q2-Q3/2026: dự kiến tung ra sản phẩm tương ớt mang đậm bản sắc Việt Nam.
Thực phẩm tiện lợi	- Phân khúc cao cấp, cụ thể là nhãn hiệu Omachi, tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng toàn danh mục, nhờ thúc đẩy sản phẩm mới và thay thế dần các bữa ăn tiêu thụ ngoài gia đình. - Tăng độ phủ của nhãn hiệu Kokomi ở khu vực miền Nam; MCH kỳ vọng Kokomi dự kiến tăng trưởng dương trong Q1/2026.
Đồ uống đóng chai	Mở rộng Retail Supreme sang kênh tiêu thụ tại chỗ và phát triển sản phẩm mới phù hợp xu hướng sức khỏe.
HPC	Tận dụng đà tăng trưởng của thương hiệu Chante và Homey trong mở rộng phân phối GT.
Cà phê	- Dự kiến ra mắt dòng sản phẩm Vinacafe sử dụng hạt cà phê Fine Robusta của Việt Nam. - Tăng độ phủ của Wake-up.
Kinh doanh quốc tế	Tập trung vào các thị trường trọng điểm như Mỹ, Đông Nam Á, Nhật Bản và Châu Âu với danh mục sản phẩm Gia vị, Thực phẩm tiện lợi và Cà phê.

Dự phóng KQKD

BVSC dự phóng Doanh thu, LNST và LNST-CĐTS năm 2026F của MCH lần lượt đạt 34.093 tỷ đồng (+10,6%yoy, hoàn thành 97-101% kế hoạch sơ bộ), 7.837 tỷ đồng (+15,9%yoy, hoàn thành 100-105% kế hoạch sơ bộ) và 7.723 (+15,8%yoy).

(Đvt: tỷ đồng)	2025	%yoy	2026F	%yoy	2027F	%yoy
Doanh thu	30.814	-1,1%	34.093	10,6%	37.658	10,5%
Doanh thu thuần	30.557	-1,1%	33.809	10,6%	37.344	10,5%
Gia vị	10.405	-7,1%	11.341	9,0%	12.362	9,0%
Thực phẩm tiện lợi	9.327	1,9%	10.260	10,0%	11.286	10,0%
Cà phê hòa tan	1.821	2,9%	1.912	5,0%	2.008	5,0%
Đồ uống	4.901	-6,6%	5.342	9,0%	5.823	9,0%
HPC	2.174	20,2%	2.543	17,0%	2.972	16,9%
Kinh doanh Quốc tế	1.647	26,8%	2.059	25,0%	2.471	20,0%
Lợi nhuận gộp	13.906	-3,5%	15.564	11,9%	17.175	10,3%
BLNG	45,5%	-1,1 điểm phần trăm	46,0%	0,5 điểm phần trăm	46,0%	0 điểm phần trăm
Chi phí bán hàng+ Quản lý	(6.769)	-1,6%	(7.479)	10,5%	(8.250)	10,3%
EBITDA	7.679	-6,1%	9.042	17,8%	9.732	7,6%
Doanh thu tài chính	1.102	-38,8%	1.418	28,7%	1.686	18,9%
Chi phí tài chính	-557	47,4%	-584	4,8%	-581	-0,5%
LNTT	7.765	-13,8%	8.997	15,9%	10.108	12,3%
LNST	6.764	-14,6%	7.837	15,9%	8.805	12,3%
LNST-CĐTS	6.667	-14,6%	7.723	15,8%	8.670	12,3%
EPS	6.309	-41,4%	5.966		6.698	



Định giá và Khuyến nghị

Sử dụng phương pháp DCF và P/E, BVSC đưa ra giá mục tiêu của MCH là **158.600 đồng/cp** đối với cổ phiếu MCH, tương ứng khuyến nghị **NEUTRAL**. Dựa trên số liệu ngày 06/02/2026, MCH hiện có mức vốn hóa tương đương với vị trí số 11 trong rổ VN-30; vì vậy, doanh nghiệp có thể sớm được vào VN-30 trong lần xét duyệt tháng 7/2026. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng câu chuyện chuyển sàn đã phản ánh một phần vào giá cổ phiếu trong thời gian qua, nâng mức định giá P/E lên mức cao so với lịch sử và so với các doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực. Cụ thể, cổ phiếu MCH hiện đang giao dịch ở mức TTM P/E là 30 lần và 2026 P/E là 25,5 lần, cao hơn nhiều so với mức trung bình 2 năm là 20 lần và mức trung vị của các doanh nghiệp trong khu vực là 20,3 lần.

Phương pháp	% tỷ lệ	Giá (đồng/cp)
DCF 2025-2030	50%	138.237
P/E 2026 @ 30x	50%	178.985
Giá mục tiêu		158.600
Giá đóng cửa ngày 06/02/2026		152.300
Upside		+4,1%
2026 PE @ Giá mục tiêu		26,6x
2026 PE @ Giá đóng cửa		25,5x

So sánh các doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực

Doanh nghiệp	Vốn hóa (triệu VND)	P/E	ROA	ROE	Tỷ lệ trả cổ tức 12 tháng gần nhất (%)
Trung vị (41 doanh nghiệp)	47.321.573	20,3	8,1	13,7	2,9
INNER MONGOLIA YILI INDUS-A	639.421.878	21,3	5,3	14,2	6,3
HENAN SHUANGHUI INVESTMENT-A	341.160.888	17,7	13,0	25,6	5,3
ALMARAI CO	292.260.246	17,0	6,5	12,5	2,4
MASAN CONSUMER CORP	203.857.097	30,5	21,6	46,4	2,6
REMGRO LTD	170.391.848	13,2	2,3	2,9	3,0

Báo cáo cập nhật MCH

INDOFOOD CBP SUKSES MAKMUR T	149.796.965	16,0	4,7	12,7	3,0
ANGEL YEAST CO LTD-A	141.116.041	25,3	6,6	13,5	1,3
WEILONG DELICIOUS GLOBAL HOL	98.239.591	21,5	14,0	18,3	4,2
TIGER BRANDS LTD	95.870.506	17,1	14,3	21,7	16,1
INDOFOOD SUKSES MAKMUR TBK P	95.798.794	8,0	3,8	11,5	4,0
FRASER & NEAVE HOLDINGS BHD	85.694.592	25,5	9,2	13,7	1,8
AWL AGRI BUSINESS LTD	80.943.953	23,0	5,8	13,8	N/a
UNIVERSAL ROBINA CORP	69.483.576	13,1	6,5	10,2	5,7
CISARUA MOUNTAIN DAIRY PT TB	66.309.943	21,8	23,8	29,0	4,6
AVI LTD	61.055.542	15,1	23,4	43,7	5,7
CENTURY PACIFIC FOOD INC	59.828.344	19,9	11,3	18,9	2,9
CHONGQING FULING ZHACAI-A	57.784.194	19,2	8,6	9,2	4,6
JONJEE HIGH-TECH INDUSTRIA-A	53.349.423	20,3	9,0	13,2	2,3
THAI PRESIDENT FOODS PCL	51.019.998	15,7	8,0	11,5	2,7
ALICORP S.A.-COMUN	51.019.709	13,2	3,3	20,2	6,4
BIKAJI FOODS INTERNATIONAL L	47.321.573	82,0	11,6	15,4	0,2
SHANGHAI MILKGROUND FOOD -A	43.466.683	56,6	2,5	4,5	N/a
BRIGHT DAIRY & FOOD CO LTD-A	41.324.598	16,0	3,0	7,6	2,0
SHANDONG YISHENG LIVESTOCK-A	39.918.286	44,6	3,3	5,4	2,6
LOTUS HOLDINGS CO LTD	39.326.153	35,2	8,9	16,0	N/a
FARM FRESH BHD	36.102.855	44,0	8,7	17,3	0,3
JIANGSU HENGSHUN VINEGAR I-A	33.708.720	60,2	3,6	4,5	1,2
NESTLE PAKISTAN LTD	33.420.949	21,8	18,2	86,5	4,2
TOLY BREAD CO LTD-A	33.168.904	23,0	5,3	7,5	2,4
CHENG DE LOLO CO LTD-A	32.601.358	14,3	14,8	18,8	3,5
NESTLE NIGERIA PLC	32.518.295	18,5	10,5	N/a	N/a
HONGMIAN ZHIHUI SCIENCE AND	26.791.014	13,8	14,5	30,7	N/a
JUHAYNA FOOD INDUSTRIES	20.131.128	23,2	10,1	23,4	3,1
GARUDAFOOD PUTRA PUTRI JAYA	19.985.960	21,4	7,1	16,6	2,7
BALADNA	18.874.925	7,3	8,1	16,5	N/a
JIANGXI SUNSHINE DAIRY CO -A	16.111.719	37,0	7,8	8,3	1,2
WENZHOU YUANFEI PET TOYS P-A	15.960.407	24,1	10,1	13,0	0,7
LYDIA YESIL ENERJI KAYNAKLAR	15.892.656	13,2	75,2	101,2	N/a
KIDO GROUP CORP	15.272.793	29,3	0,6	1,1	2,3
SALIM IVOMAS PRATAMA TBK PT	14.033.939	4,2	5,8	11,4	3,4
RCL FOODS LTD/SOUTH AFRICA	13.494.222	5,9	7,6	13,4	6,5

Nguồn: Bloomberg

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DỰ BÁO

Kết quả kinh doanh				
(Đơn vị: tỷ đồng)	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	30.897	30.557	33.809	37.344
Giá vốn	(16.493)	(16.650)	(18.244)	(20.168)
Lợi nhuận gộp	14.405	13.906	15.564	17.175
Doanh thu tài chính	1.801	1.102	1.418	1.686
Chi phí tài chính	(378)	(557)	(584)	(581)
Lợi nhuận sau thuế	7.921	6.764	7.837	8.805

Bảng cân đối kế toán				
(Đơn vị: tỷ đồng)	2024	2025	2026F	2027F
Tiền & khoản tương đương tiền	5.677	8.275	11.672	13.609
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.705	3.003	3.242	3.418
Hàng tồn kho	2.582	2.895	2.856	3.158
Tài sản cố định hữu hình	5.249	5.249	5.220	5.220
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	347	416	469	521
Tổng tài sản	27.900	33.966	38.636	42.247
Nợ ngắn hạn	9.067	7.169	7.938	8.716
Nợ dài hạn	1.764	2.455	1.955	1.455
Vốn chủ sở hữu	11.328	18.662	22.943	25.923
Tổng nguồn vốn	27.900	33.966	38.636	42.247

Chỉ số tài chính				
Chỉ tiêu	2024	2025	2026F	2027F
Chỉ tiêu tăng trưởng				
Tăng trưởng doanh thu	9,7%	-1,1%	10,6%	10,5%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	10,1%	-14,6%	15,9%	12,3%
Chỉ tiêu sinh lời				
Lợi nhuận gộp biên	46,6%	45,5%	46,0%	46,0%
Lợi nhuận thuần biên	25,6%	22,1%	23,2%	23,6%
ROA	22,8%	21,6%	21,3%	21,4%
ROE	72,9%	36,9%	34,7%	34,6%
Chỉ tiêu cơ cấu vốn				
Tổng nợ/Tổng tài sản	38,8%	28,3%	25,6%	24,1%
Tổng nợ/Tổng vốn chủ sở hữu	95,6%	51,6%	43,1%	39,2%
Chỉ tiêu trên mỗi cổ phần				
EPS (đồng/cổ phần)	10.769	6.309	5.966	6.698
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	14.766	17.092	17.172	19.370

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Tôi, chuyên viên **Nguyễn Hà Minh Anh** xin khẳng định hoàn toàn trung thực và không có động cơ cá nhân khi thực hiện báo cáo này. Báo cáo được hoàn thành trên cơ sở khách quan độc lập. Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo này được thu thập từ những nguồn tin cậy. Tuy nhiên, **tôi** không đảm bảo tính đầy đủ cũng như không kiểm chứng được hết những thông tin nêu trên. Các quan điểm, nhận định trong báo cáo này chỉ là quan điểm khách quan của cá nhân **tôi** mà không hàm ý chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo phân tích này như một nguồn tham khảo. **Cá nhân tôi** cũng như **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt** sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư về những tổn thất có thể xảy ra, thua lỗ khi đầu tư. **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt** và **tôi** cũng không chịu bất kỳ trách nhiệm về những thông tin chưa chính xác về doanh nghiệp.

Báo cáo này là một phần tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, tất cả những hành vi sao chép, trích dẫn một phần hay toàn bộ báo cáo này phải được sự đồng ý của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Hệ thống nhận định của BVSC được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu hiện tại so với giá mục tiêu, xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại. Trừ khi có nhận định khác, những nhận định đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng.

Các nhận định	Định nghĩa
OUTPERFORM	Tổng lợi nhuận nắm giữ cổ phiếu kỳ vọng trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên +15%
NEUTRAL	Tổng lợi nhuận nắm giữ cổ phiếu kỳ vọng trong 12 tháng tới dự báo sẽ từ -15% đến +15%
UNDERPERFORM	Tổng lợi nhuận nắm giữ cổ phiếu kỳ vọng trong 12 tháng tới dự báo sẽ dưới -15%

LIÊN HỆ

Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Phạm Tiến Dũng

Giám đốc khối

dungpt@bvsc.com.vn

Lưu Văn Lương

Phó Giám đốc khối

luonglv@bvsc.com.vn

Nguyễn Chí Hồng Ngọc

Phó Giám đốc khối

ngocnch@bvsc.com.vn

Nguyễn Đức Hoàng, CFA

Ngân hàng, Bảo hiểm

hoangnd@bvsc.com.vn

Trương Sỹ Phú, CFA

Hàng tiêu dùng, CNTT

phuts@bvsc.com.vn

Trần Xuân Bách

Phân tích kỹ thuật

bachtx@bvsc.com.vn

Trần Phương Thảo

Bất động sản, Khu công nghiệp

thaotp@bvsc.com.vn

Tôn Nữ Nhật Minh, ACCA

Dược phẩm, Hóa chất cơ bản, Thép

minhtnn@bvsc.com.vn

Hoàng Thị Minh Huyền

Chuyên viên vĩ mô

huyenhtm@bvsc.com.vn

Nguyễn Hà Minh Anh

Nông nghiệp, Hàng tiêu dùng

anhnhm@bvsc.com.vn

Nguyễn Việt Dân

Cảng biển, Vận tải biển

dannv@bvsc.com.vn

Nguyễn Hồng Hoa

Chiến lược thị trường

hoanh@bvsc.com.vn

Trần Tuấn Dương, CFA

Năng lượng, Chứng khoán, Xây dựng

duongtt@bvsc.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng, CFA

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

dunglnt@bvsc.com.vn

Nguyễn Đăng Thành

Dầu khí, Hàng không

thanhdn@bvsc.com.vn

Nguyễn Minh Khôi

Vật liệu xây dựng

khoinm@bvsc.com.vn



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính:

- 08 Lê Thái Tổ, P. Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Tel: (84 24) 3 928 8080

Chi nhánh:

- Tầng 8, 233 Đồng Khởi, P. Sài Gòn, Tp. HCM
- Tel: (84 28) 3 914 6888